

Thực trạng phát triển và quản lý bóng đá chuyên nghiệp ở Việt Nam

PGS.TS. Phạm Ngọc Viễn; PGS.TS. Lương Kim Chung; GS.TS. Lâm Quang Thành

TÓM TẮT:

Bóng đá là môn thể thao có tính hấp dẫn và tính quần chúng rất sâu rộng nên có điều kiện, khả năng thực hiện thể chế chuyên nghiệp, do đó bóng đá ở nước ta đã từng bước chuyên nghiệp hóa trong 17 năm qua. Nghiên cứu thực trạng phát triển bóng đá chuyên nghiệp (BĐCN) ở Việt Nam đã đưa ra những số liệu đánh giá mang tính khoa học và thực tiễn về hoạt động của các câu lạc bộ (CLB) BĐCN; một số mặt đạt được và hạn chế trong quản lý BĐCN để làm cơ sở đề xuất định hướng mô hình quản lý BĐCN ở Việt Nam.

Từ khóa: thực trạng, phát triển, quản lý, bóng đá chuyên nghiệp.

ABSTRACT:

As you know that, football is an attractive and popular sport all over the world, so it has ability and conditions to implement professional institution. Actually, football has been professionalisation in Vietnam for last 17 years. Therefore, research on current status of management and development for professional football in Vietnam has given practical and scientific assessment of the operating of professional football clubs as well as some aspects achieved and limited in professional football management. After that proposed orientation of professional football management model in Vietnam.

Keywords: status, development, management, professional football.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 08/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” đã xác định quan điểm: “Đổi mới phương thức quản lý, điều hành bóng đá theo cơ chế chuyên nghiệp trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước về bóng đá và phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực bóng đá”.

Tính đến thời điểm hiện tại, mô hình thể thao chuyên nghiệp về mặt pháp lý và thực hành mới chỉ có môn Bóng đá. Việc thí điểm áp dụng quy chế chuyên



(Ảnh minh họa)

ngiệp đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động bóng đá ở nước ta. Trước hết là việc các CLB BĐCN đã dần chuyển đổi thành các doanh nghiệp hoạt động tương đối hiệu quả theo mô hình doanh nghiệp (tư nhân hoặc cổ phần), trong đó một số CLB đã có nguồn thu nhập tương đối cao và ổn định

Trên cơ sở thực tiễn và các định hướng phát triển BĐCN như đã nêu trên, nghiên cứu thực trạng phát triển và quản lý BĐCN ở Việt Nam là rất cần thiết, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn trong phát triển BĐCN ở Việt Nam; đồng thời là cơ sở cho ngành thể dục thể thao (TĐTT), Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (LĐBĐVN) tham khảo để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp đổi mới cơ chế quản lý, chính sách trong phát triển BĐCN, nhằm thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu gồm: phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, điều tra xã hội học và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng về tổ chức hoạt động các CLB BĐCN

- Kết quả khảo sát 14 CLB BĐCN:

CLB BĐCN Việt Nam là hình thái trung gian giữa tổ chức thể thao doanh lợi thuộc đơn vị sự nghiệp có hạch toán một phần kinh phí để tăng chi cho sự phát triển bóng đá dưới các hình thức sự nghiệp Nhà nước công lập có thu (ở các địa phương), sự nghiệp bán công lập (ở các ngành hoặc doanh nghiệp) hoặc sự nghiệp của các tổ chức xã hội (tổ chức xã hội nghề nghiệp) mà nhà nước vẫn là chủ sở hữu thực sự của các CLB, nhưng vẫn có quyền tiếp nhận hợp đồng hỗ trợ kinh tế của tư nhân và các tổ chức xã hội.

Trong quá trình tiến lên chuyên nghiệp theo xu hướng xã hội hóa đến nay 13/14 CLB BĐCN đã trở thành công ty cổ phần bóng đá, hoạt động độc lập và tự chủ về mặt kinh tế ở một chừng mực nhất định và chịu sự ảnh hưởng của các tập đoàn kinh tế như: CLB Hà Nội, Than Quảng Ninh, Hoàng Anh Gia Lai, Becamex Bình Dương, FLC Thanh Hóa, SHB Đà Nẵng... Số các CLB còn lại như: Sông Lam Nghệ An, Long An, Cần Thơ, Nam Định... vẫn còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách địa phương. Riêng CLB bóng đá Hải Phòng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước với kinh phí hoạt động hàng năm do thành phố (TP) Hải Phòng cấp. Nhìn chung, những CLB - doanh nghiệp đã thành công bởi các CLB thực sự hòa mình vào môi trường BĐCN. Ưu điểm thể hiện ở sự năng động trong hoạt động quản lý, điều hành CLB.

- Thực trạng các CLB BĐCN theo các tiêu chí cấp phép của Liên đoàn Bóng đá Châu Á (AFC):

Từ mùa giải 2013 - 2014 đến nay, các CLB BĐCN ở Việt Nam thực hiện các quy định chuyên nghiệp hóa bóng đá thông qua các yêu cầu cấp phép CLB của Liên đoàn Bóng đá Châu Á (AFC) thông qua 5 tiêu chí: thể thao (cơ cấu phát triển cầu thủ, chương trình đào tạo trẻ, xây dựng học viện bóng đá...); cơ sở vật chất (CSVC) (sân vận động đạt chuẩn, trang thiết bị tập luyện, an ninh, an toàn, các phòng chức năng...); nhân lực, hành chính (giám đốc điều hành, các cán bộ tài chính, y tế, an ninh, truyền thông, đào tạo trẻ có bằng cấp của huấn luyện viên (HLV) các tuyến...); pháp lý (quyền sở hữu và kiểm soát CLB, hợp đồng cầu thủ, HLV, quy định đạo đức nghề nghiệp của các CLB...); tài chính (báo cáo tài chính thường niên đã được kiểm toán...).

Các CLB được cấp phép tham dự giải vô địch quốc gia (VĐQG) (V. League 1) cần đáp ứng được 5 tiêu chí ở phần cứng (tiêu chí A) và các tiêu chí B (phần linh hoạt) - nghĩa là CLB không đáp ứng được bất kỳ điều kiện nào trong hạng tiêu chí B thì CLB đó vẫn có thể

được cấp phép tham dự giải kèm theo các hình thức phạt. Đánh giá chất lượng các CLB BĐCN ở Việt Nam cho tới thời điểm tháng 10/2018, cho thấy các dữ liệu cấp phép của LĐBĐVN đối với các CLB tham gia các giải đấu của AFC và V. League 1 từ năm 2014 cho đến nay mới chỉ có duy nhất CLB Hà Nội là đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí chính thức của AFC trong 5 năm; CLB SHB Đà Nẵng 3 năm (2016, 2017, 2018); Becamex Bình Dương 3 năm (2014, 2015, 2018) và 2 năm không đạt do thiếu các đội bóng tham dự giải trẻ quốc gia (2016, 2017). Số lượng các CLB không đạt tiêu chuẩn cấp phép tham dự giải VĐQG V. League có sự biến động hàng năm: năm 2014 - 11 CLB; năm 2015 - 5 CLB; năm 2016 và 2017 - 6 CLB; năm 2018 - 8 CLB. Đặc biệt có những CLB liên tục không đạt các tiêu chuẩn cấp phép trong một thời gian dài (5 năm liền) như Hải Phòng, QNK Quảng Nam và FLC Thanh Hóa (4 năm). Từ thực tế đó, cho thấy tính không ổn định của các CLB BĐCN Việt Nam đặc biệt ở 2 tiêu chí: tài chính và thể thao.

Số liệu thống kê của LĐBĐ Việt Nam cho thấy hiện nay hầu hết các CLB đã và đang duy trì công tác đào tạo lực lượng vận động viên (VĐV) kế cận các lứa tuổi từ U11 đến U21, đáp ứng được các tiêu chí thể thao theo quy định cấp phép của AFC. Đặc biệt là trung tâm đào tạo bóng đá trẻ của Quỹ hỗ trợ tài năng bóng đá trẻ Việt Nam (PVF) với hệ thống CSVC tốt và chương trình đào tạo có cơ sở khoa học tiên tiến đã cung cấp nhiều cầu thủ trẻ cho các CLB và đội tuyển trẻ quốc gia. Hệ thống Giải bóng đá trẻ quốc gia do LĐBĐVN tổ chức được hoàn thiện xuyên suốt từ U21 xuống tới U11 với chất lượng chuyên môn ngày một cao. Tuy nhiên, phương thức vận hành và số lượng các trận đấu trong 1 năm còn quá ít.

Từ thực tế đó, cho thấy tính không ổn định, không bền vững của các CLB BĐCN Việt Nam đặc biệt ở 2 tiêu chí: tài chính và thể thao.

2.2. Thực trạng về giải BĐCN ở Việt Nam

- Từ năm 2000, hệ thống bóng đá đỉnh cao nước ta bước vào thời kỳ chuyên nghiệp đánh dấu bằng Công ty Strata mua trọn bản quyền thương hiệu giải VĐQG; mỗi CLB bóng đá tham gia có trách nhiệm quảng cáo cho các nhà tài trợ theo quy định bằng các hợp đồng quyền lợi và trách nhiệm. Qua 2 mùa giải, có 10 đội bóng tham gia (2000-2001, 2001-2002), Liên đoàn BĐVN và các CLB đã kịp thời giành quyền tự chủ vận động tài trợ và được các doanh nghiệp đầu tư, ghép tên vào đội bóng và bán thương hiệu quảng cáo trên sân, trên áo thi đấu... để có được nguồn kinh phí cho CLB hoạt động.

- Từ năm 2003, giải VĐQG có 12 đội, trong đó 6 đội

mang tên doanh nghiệp; đến năm 2006 nâng lên 14 đội (thực tế chỉ có 13 đội) song hành với giải vô địch quốc gia có giải hạng Nhất để tạo thành hệ thống giải chuyên nghiệp trong đó mỗi mùa giải có đội xuống hạng và lên hạng thường thấy ở một số giải bóng đá nước ngoài. Điều lệ thi đấu hàng năm quy định số đội lên, xuống khác nhau, như năm 2006 để có 14 đội ở hạng tranh giải vô địch cần đưa lên 3 đội hạng Nhất và xuống 1 đội xếp thứ 12 cuối cùng.

- Đến mùa giải từ 2007 đến 2012, hệ thống thi đấu cả 2 hạng đã có 28 đội bóng thuộc hệ thống giải chuyên nghiệp bởi không đội bóng nào không gắn với các doanh nghiệp tài trợ kể cả đội vẫn được chính quyền địa phương bổ sung ngân sách; bên cạnh đó còn giải Cúp để chọn đội Vô địch hàng năm. Trong giai đoạn này hệ thống thi đấu giải chuyên nghiệp được duy trì, góp phần quan trọng vào đời sống thể thao, nâng cao sự hưởng thụ và giải trí của một bộ phận đáng kể người hâm mộ bóng đá. VĐV bóng đá mau chóng trưởng thành, góp phần xây dựng đội tuyển quốc gia ở một số lứa tuổi ngày càng có chất lượng. Kết quả thi đấu mỗi năm đội tuyển quốc gia dự SEA Games tuy chưa một lần vô địch nhưng đã là đội mạnh, 1 lần đoạt Cúp Đông Nam Á (2008) đã phản ánh 1 phần trình độ bóng đá sau 8 năm tiến hành chuyên nghiệp hóa.

- Bắt đầu từ mùa giải năm 2012 đến nay, giải được quản lý, điều hành bởi Công ty cổ phần BĐCN Việt Nam (VPF). Đó là một bước tiến lớn trên con đường chuyên nghiệp hóa bóng đá ở nước ta. Với phương thức điều hành chuyên nghiệp, giải đã có nhiều tiến bộ về mặt chuyên môn, thu hút được một số lượng lớn người hâm mộ quan tâm kể cả đến sân vận động để theo dõi cũng như xem bóng đá trên truyền hình. Ban tổ chức giải là cơ quan quyền lực cao nhất trong quá trình điều hành giải, thông qua các lực lượng tác nghiệp chuyên môn như giám sát trận đấu, giám sát trọng tài và trọng tài. Ban tổ chức điều hành giải thông qua các hệ thống văn bản mang tính chuyên nghiệp, gồm: quy chế BĐCN, điều lệ giải, luật bóng đá, quy định về tổ chức trận đấu, các chế độ báo cáo, các biểu mẫu báo cáo (báo cáo của giám sát, trọng tài, biên bản trận đấu, phương thức chấm điểm phong cách, các thông báo chỉ đạo giải...). Tuy nhiên, khác với quy BĐCN ở các nước bóng đá tiên tiến trên thế giới, VPF với các chức năng được phân định chưa thực sự được giao toàn quyền điều hành giải đấu, quyền bổ nhiệm trọng tài cho các trận đấu, quyền ra các quyết định kỷ luật các CLB, VĐV, HLV vi phạm luật và điều lệ giải vẫn thuộc về LĐBĐVN. Hơn nữa, mỗi năm VPF phải đóng góp nguồn kinh phí cho LĐBĐVN với một hợp đồng “Nhượng quyền tổ chức giải” dưới danh nghĩa “Hỗ trợ công tác đào tạo

trẻ”, thay vì được LĐBĐVN hỗ trợ kinh phí cho công ty tổ chức giải như các nước bóng đá tiên tiến đã làm trong khi bản quyền truyền hình không được xác định một cách chính thống.

- Trong 17 năm diễn ra giải BĐCN đều có các nhà tài trợ chính cho giải ngoại hạng và giải hạng nhất với tổ chức thi đấu ngày càng tiến bộ theo quy định của AFC và Liên đoàn bóng đá thế giới (FIFA). Giá trị thương quyền của giải vô địch quốc gia nhiều năm liền tăng với tỷ suất tăng 10% mỗi năm. Mỗi mùa giải LĐBĐVN và VPF có số doanh thu lớn để chi toàn bộ hoạt động của bóng đá, các đội tuyển thi đấu, tập huấn và hợp đồng với các chuyên gia nước ngoài; hỗ trợ kinh phí cho các đội bóng theo thứ tự xếp hạng cùng các giải thưởng thi đấu hàng năm.

- Số lượng khán giả đến sân nhìn chung đều gia tăng tùy thuộc nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, đặc biệt số lượng chỗ ngồi ở các sân không lớn, mỗi mùa chỉ có 5-7 trận đạt mức độ kín sân. Thống kê số lượng khán giả của các mùa giải cho thấy: năm 2006 có số lượng khán giả là 1.006.500 người; năm 2007 có 1.180.127 khán giả; năm 2008 có 1.339.171 khán giả; năm 2009 có 1.890.500 khán giả. Từ năm 2013 đến năm 2017 số lượng khán giả giảm dần, cụ thể: năm 2013 có 1.208.000 khán giả; năm 2016 có 1.154.000 khán giả; năm 2017 có 1.012.000 khán giả. Nhiều sân có số khán giả đến xem rất ít diễn ra nhiều năm như sân Hàng Đẫy - Hà Nội, sân Thống Nhất - TP Hồ Chí Minh, sân Long An, Cần Thơ, Khánh Hoà... Ngay như năm 2017, ở giai đoạn gay gắt là CLB Hà Nội, FLC Thanh Hoá, QNK Quảng Nam dự khán trận chung kết sớm giữa CLB Hà Nội và FLC Thanh Hoá tại sân Thanh Hoá (vòng 21) cũng chỉ có 11.000 khán giả; trận CLB Hà Nội và QNL Quảng Nam tại sân Hà Nội (vòng 25) cũng chỉ có 13.000 khán giả. Nếu tính tổng số khán giả cho 13 trận sân nhà thì Thanh Hoá có 120.000 khán giả; sân Tam Kỳ Quảng Nam có 83.500 khán giả; sân Cẩm Phả vốn có đông cổ động viên thì cả mùa giải cũng chỉ đạt 90.000 khán giả. Điều đó cho thấy nguồn thu từ bán vé ở các CLB là quá ít. Tình trạng này là cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng kế hoạch chi thường, chi lương cho phù hợp với năng lực doanh thu của mỗi CLB.

- Lực lượng HLV, trọng tài bóng đá ngày càng có kiến thức, kinh nghiệm về BĐCN đã gia tăng rõ rệt, trong đó trình độ đào tạo theo bằng cấp của FIFA được mở rộng. Sự liên thông các hoạt động bóng đá Việt Nam với các tổ chức bóng đá các nước Đông Nam Á, Châu Á, với AFC, FIFA ngày càng tăng cường có hiệu quả phát triển bóng đá nước ta. Sự hỗ trợ từ AFC, FIFA cũng góp phần quan trọng để bóng đá nước ta mau chóng bắt kịp trình độ Đông Nam Á. LĐBĐVN đã đăng cai tổ chức thành công nhiều giải

đấu của AFC và khu vực của FIFA; mời và đón một số đội bóng lớn từ Brazil, Anh quốc vào thi đấu và cá nhân một số cầu thủ có danh tiếng vào giao lưu với người hâm mộ Việt Nam.

2.3 Thực trạng quản lý BĐCN ở Việt Nam

- Cơ cấu tổ chức của các CLB BĐCN

Từ kết quả khảo sát cho thấy mô hình quản lý BĐCN được thể hiện theo sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản lý có sự phân định về chức năng nhiệm vụ của LĐBĐVN, VPF, địa phương và các CLB BĐCN.

Về góc độ kinh tế, BĐCN ở nước ta phải giải quyết nhiều mối quan hệ phức tạp, khác với các nước có nền bóng đá nhà nghề phát triển, cụ thể gồm các mối quan hệ sau:

+ Về mối quan hệ giữa CLB BĐCN với LĐBĐVN: đây là mối quan hệ về tổ chức thi đấu bóng đá (tổ chức giải, HLV, VĐV, trọng tài...) và mối quan hệ về phân chia quyền lợi tài chính nhờ dịch vụ thi đấu, các dịch vụ kèm theo. Mối quan hệ này ở nước ta cũng cơ bản giống ở nước ngoài (thí dụ như các thương quyền có liên quan đến giải đấu mà các CLB tham dự, bản quyền truyền hình...)

+ Mối quan hệ giữa CLB BĐCN với địa phương về quyền sở hữu tài sản thi đấu: đây là mối quan hệ không tồn tại đối với CLB bóng đá nhà nghề nước ngoài, chỉ tồn tại ở Việt Nam. Ở các nước phương Tây không tồn tại khái niệm sở hữu Nhà nước về tài sản thi đấu bóng đá nhà nghề nhưng ở nước ta hiện nay các CLB BĐCN chỉ mới được Nhà nước ưu tiên cho sử dụng sân vận động để tổ chức thi đấu và kinh doanh thi đấu. Xử lý

mối quan hệ kinh doanh này còn nhiều vấn đề phức tạp, tế nhị.

+ Mối quan hệ giữa các CLB BĐCN với địa phương về nguồn tài chính: nhà nước địa phương vẫn tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua doanh nghiệp để tạo nguồn tài chính cho CLB (với phương thức, mức độ khác nhau, khoảng 68% tổng số chi). Đây là mối quan hệ rất tế nhị ở BĐCN nước ta hiện nay trong khi các CLB bóng đá nhà nghề ở các nước phương Tây không tồn tại mối quan hệ này; ở mức độ nhất định, mối quan hệ này vẫn tồn tại ở nền bóng đá các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, thậm chí cả Nhật Bản.

Với những mối quan hệ nêu trên cho thấy tuy trình độ BĐCN ở nước ta còn thấp so với thế giới, nhưng LĐBĐVN và CLB BĐCN quản lý về chuyên môn và kinh doanh bóng đá vẫn còn khó khăn hơn nước ngoài khá nhiều.

- Một số mặt đạt được và hạn chế trong quản lý BĐCN ở Việt Nam

+ Việc thí điểm áp dụng cơ chế chuyên nghiệp đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động bóng đá ở nước ta. Trước hết là việc các CLB đã chuyển đổi thành các doanh nghiệp hoạt động tương đối hiệu quả. Nếu trong 2 mùa giải đầu tiên thử nghiệm BĐCN, phần lớn các CLB tham gia giải V. League hoạt động chủ yếu nhờ vào sự bao cấp của ngân sách nhà nước hoặc ngân sách của cơ quan chủ quản đội bóng thì tới những năm cuối của giai đoạn thử nghiệm BĐCN đã hình thành hàng loạt CLB hoạt động theo mô hình doanh nghiệp (tư nhân hoặc cổ phần) với nguồn thu nhập tương đối cao và ổn định.

Sơ đồ 1. Tổ chức quản lý BĐCN ở Việt Nam



Nhờ vào việc đổi mới cơ chế quản lý, tăng nguồn thu, các CLB đã tích cực đầu tư thuê VĐV, HLV giỏi để nâng cao chất lượng thi đấu. Sự cạnh tranh về thành tích giữa các CLB chuyên nghiệp cũng là một trong những động cơ dẫn tới chất lượng thi đấu của giải V. League ngày càng được nâng cao.

+ Quy chế BĐCN được triển khai đã tạo điều kiện nâng cao thu nhập của cầu thủ, HLV, trọng tài và bước đầu đã tạo dựng được thị trường chuyển nhượng VĐV, HLV ở nước ta. Các CLB chuyên nghiệp đã chú trọng hơn tới việc đào tạo, phát huy tài năng của VĐV để tạo ra giá trị chuyển nhượng.

+ LĐBĐVN, hệ thống CLB, hệ thống giải thi đấu BĐCN ở nước ta là ba bộ phận cấu thành BĐCN. Trong mỗi bộ phận có nhiều nội dung tiêu chí tương xứng với yêu cầu đặc trưng của thể thao chuyên nghiệp, trước hết đó là mọi hoạt động của BĐCN là tổ chức sản xuất cung ứng dịch vụ thi đấu bóng đá nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí của người hâm mộ ngày càng cao qua đó thu được lợi nhuận và tình yêu của khán giả để đảm bảo cho hoạt động BĐCN.

Qua 17 năm xây dựng và phát triển BĐCN ở nước ta đã cho thấy một cách khái quát về thể thao chuyên nghiệp nói chung, BĐCN nói riêng, tuy nhiên còn có những hạn chế sau:

+ Bóng đá là môn thể thao có tính hấp dẫn và tính quần chúng rất sâu rộng nên có điều kiện, khả năng thực hiện thể chế chuyên nghiệp bóng đá đỉnh cao, trước hết so với các môn thể thao khác. Vì vậy, BĐCN với 17 năm xây dựng mới chỉ ở bước đi rất ban đầu với một số yếu tố, chưa tạo ra một mô hình hoặc một số mô hình tổ chức nền tảng là CLB BĐCN là doanh nghiệp.

+ Thể chế thể thao chuyên nghiệp là hệ thống tổ chức kinh tế một cách đồng bộ từ tư duy tầm nhìn, lộ trình phát triển các yếu tố từ nhận thức, nội dung, kế hoạch, tiêu chí nhằm các mục tiêu đặt ra từng giai đoạn phù hợp cách thức tổ chức quản lý kinh tế của đất nước... Đồng loạt các thể chế không thể ra ngay mà phải xác định kết cấu tổ chức thực hiện từng tiêu

chí với các giải pháp kèm theo.

+ BĐCN thời gian qua buông lỏng việc vận dụng các chính sách tổ chức doanh nghiệp theo luật định vào điều hành trong CLB; ngược lại vận dụng chưa theo quy định tài chính của bóng đá nước ngoài vào nước ta như giá cả chuyển nhượng cầu thủ, giá tiền thưởng và phạt trận đấu thắng thua... Động cơ phát triển nguồn lực VĐV nước ngoài ở BĐCN xảy ra có mặt lợi nhưng cũng dẫn đến những bất lợi cho một số CLB.

+ Trong điều kiện và trình độ kinh tế và đời sống tiêu dùng ở nước ta, BĐCN dựa vào nguồn đầu tư của doanh nghiệp để hoạt động, khi khó khăn kinh tế đối với kinh doanh thì sự rút lui khỏi bóng đá là không tránh khỏi. Nguồn thu đích thực của bóng đá còn hạn hẹp bởi sự mất ổn định cả hệ thống BĐCN là thực tế hiện nay. Do đó cần có giải pháp đột phá để duy trì và từng bước phát triển các CLB BĐCN hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Từ những dẫn chứng về thực trạng phát triển và quản lý ở môn BĐCN cho thấy khi đã hòa nhập vào môi trường của BĐCN thế giới, bóng đá Việt Nam cần được coi là sản phẩm hàng hóa, hệ quả tất yếu của nền kinh tế thị trường. Bởi vì BĐCN là hiện tượng đặc trưng của nền kinh tế hàng hóa và chỉ có thể hình thành, phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường hàng hóa mà ở đó các giá trị tinh thần của bóng đá được coi như một loại sản phẩm hàng hóa đặc biệt và có thể trao đổi theo các quy luật kinh tế. Chuyên nghiệp hóa bóng đá trong điều kiện ở Việt Nam thực chất là sự đổi mới và đầu tư cho bóng đá theo hướng xã hội hóa, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đó chính là giải pháp quan trọng nhằm đưa trình độ bóng đá và quản lý bóng đá Việt Nam lên một tầm cao mới với chất lượng và hiệu quả cao hơn; phát triển BĐCN trong nền kinh tế thị trường không có nghĩa là thương mại hóa bóng đá thuần túy mà cần phải tiếp nhận các quy luật của thị trường và nắm vững ý nghĩa xã hội, chính trị của bóng đá và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 08/3/2013 của thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
 2. Quyết định số: 528 /QĐ-LĐBĐVN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam về việc ban hành Quy chế bóng đá chuyên nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2015).
 3. Dương Nghiệp Chí (2000), Cơ sở lý luận hình thành nền bóng đá chuyên nghiệp, *Tạp san "Nghiên cứu khả năng xây dựng nền bóng đá bán chuyên nghiệp ở Việt Nam từ năm 2000 - 2005*, Hà Nội.
- (Trích nguồn: kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ "Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế", Viện Khoa học TDTT, năm 2018).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26/9/2018; ngày phản biện đánh giá: 15/11/2018; ngày chấp nhận đăng: 18/12/2018)